

Số: /BC-SNV

Thái Bình, ngày tháng 12 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả cải cách hành chính năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Văn bản số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Công văn số 3386/UBND-NCKS ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc thực hiện báo cáo kết quả CCHC định kỳ của tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình báo cáo kết quả công tác CCHC năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC**

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, từ đầu năm 2022 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác CCHC trên địa bàn tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã cụ thể hóa và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác xác định Chỉ số CCHC các cấp được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc. Ngay sau khi Bộ Nội vụ công bố kết quả Chỉ số CCHC năm 2021, Sở Nội vụ đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch và tổ chức mở lớp bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế gắn với tiếp cận, đánh giá Chỉ số CCHC cho gần 5.000 đại biểu là lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, thúc đẩy thực hiện CCHC đồng bộ, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực. Đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp cụ thể để nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC, Chỉ số PCI và Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian tới, làm rõ trách nhiệm của các tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Đối với Chỉ số CCHC của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Căn cứ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về việc ban hành Đề án xác định chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình để phù hợp với các quy định mới của Trung ương và của tỉnh.

Công tác kiểm tra CCHC: Thực hiện Kế hoạch số 1296/KH-SNV ngày 27/6/2022 về kiểm tra công tác CCHC năm 2022, Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp và các Phòng chuyên môn có liên quan của Sở thực hiện kiểm tra công tác CCHC năm 2022 tại các sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Công thương, Xây dựng, Giao thông - Vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện: Tiên Hải, Vũ Thư, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình, một số xã, phường trên địa bàn các huyện, thành phố. Đến ngày 25/10/2022, đã hoàn thành việc kiểm tra 100% số đơn vị theo kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2022. Số cơ quan được kiểm tra đạt tỷ lệ trên 30% số lượng các tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

Công tác tuyên truyền CCHC: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/02/2022 về Kế hoạch tuyên truyền CCHC tỉnh Thái Bình năm 2022; Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm soát TTHC tỉnh Thái Bình năm 2022. Trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện đến người dân và doanh nghiệp. Tuyên truyền kịp thời, sâu rộng các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương về công tác CCHC, công tác kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác CCHC, công tác kiểm soát TTHC. Báo Thái Bình thường xuyên đưa tin về công tác CCHC, Đài phát thanh và Truyền hình Thái Bình đưa tin về công tác CCHC của toàn tỉnh, các thông tin về hoạt động CCHC cũng luôn được cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC: Các văn bản quy định hướng dẫn về hoạt động kiểm soát TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh và thông tin về cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh Thái Bình được cập nhật thường xuyên và đưa tin liên tục trên cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <http://thaibinh.gov.vn/>; được đăng tải trên các phương tiện thông tin truyền thông. Có chuyên mục về “Cải cách hành chính” phát sóng hàng tuần trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình để tuyên truyền, giải đáp các thắc mắc về TTHC cũng như huy động người dân cùng tham gia kiểm soát TTHC; đưa tin bài về cải cách TTHC, giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật về cải cách TTHC trên Báo Thái Bình.

Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Trong kỳ báo cáo, có 180 nhiệm vụ Chính phủ giao trên hệ thống theo dõi đang được thực hiện. Trong đó, 73 nhiệm vụ đã hoàn thành, 107 nhiệm vụ đang thực hiện và trong hạn xử lý. Không có nhiệm vụ quá hạn.

*(Biểu mẫu 01 kèm theo).*

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

### 1. Cải cách thể chế

#### 1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định: Số 3464/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022; số 3465/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022. Trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị mình làm cơ sở tổ chức thực hiện.

Trong năm, Sở Tư pháp đã thực hiện tham gia ý kiến đối với hơn 280 dự thảo văn bản; thực hiện thẩm định đối với 38 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Phòng Tư pháp thẩm định 33 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### 1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản: Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về ban hành Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 18/3/2022 về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong năm, Sở Tư Pháp đã thành lập Đoàn kiểm tra tư pháp về công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải và Ủy ban nhân dân xã Tây Ninh và Ủy ban nhân dân xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; tổ chức 04 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và một số Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực chuyên ngành cho đối tượng là cán bộ cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện Tiền Hải, Đông Hưng, Kiến Xương và Thành phố Thái Bình với khoảng 500 đại biểu tham dự.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ sung lĩnh vực theo dõi trọng tâm, liên ngành năm 2022 theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 và

biên soạn tài liệu “Một số quy định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước” để tuyên truyền ý thức bảo vệ nguồn nước xung quanh.

### *1.3. Kết quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL):*

Trong năm 2022, các cơ quan, đơn vị và địa phương trong tỉnh đã tập trung tuyên truyền các văn bản luật có liên quan mật thiết đến đời sống cán bộ, nhân dân, như: Bộ luật Hình sự; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Đặc xá; Luật Đầu tư 2020; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật An ninh mạng, Luật Tố cáo năm 2018; Luật Cảnh sát biển Việt Nam; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật Phòng chống mua bán người, Luật Trẻ em, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Dân sự (chế định thừa kế)... Ngoài ra, các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, pháo nổ và thả đèn trời, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông... cũng được các cơ quan, đơn vị và địa phương chú trọng tuyên truyền, phổ biến.

Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiệu quả tiếp tục phát huy, như: Tuyên truyền miệng (thông qua các hội nghị tập huấn, tuyên truyền pháp luật, tọa đàm...); Tuyên truyền qua biên soạn, phát hành các tài liệu (Biên soạn đề cương giới thiệu luật, sách báo, tờ rơi, tờ gấp...) và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo Thái Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của các sở, ngành và UBND cấp huyện; Đài phát thanh và truyền hình các huyện, thành phố và hệ thống Đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn); tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật và các hình thức tuyên truyền phù hợp khác.

Điểm nổi bật trong công tác PBGDPL năm 2022, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã chỉ đạo và hoàn thành xây dựng Trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Thái Bình chính thức được khai trương và đi vào hoạt động từ tháng 10/2022; chỉ đạo tổng kết 10 năm thi hành Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 và triển khai Ngày pháp luật Việt Nam 09/11 và xây dựng mô hình tuyên truyền pháp luật, như: Mô hình phòng cháy chữa cháy ở cơ sở “Tổ liên gia an toàn phòng, cháy chữa cháy và điểm chữa cháy công cộng” ở các huyện, thành phố. Toàn tỉnh đã tổ chức 1.658 cuộc tuyên truyền pháp luật trực tiếp cho 181.534 lượt người tham dự; tổ chức 15 cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho 5.109 lượt người tham dự; biên soạn và phát hành 347.886 bản tài liệu. Toàn tỉnh đã chi cho công tác PBGDPL với tổng số kinh phí là 4.547.896.000 đồng.

Trong năm, Sở Tư pháp đã tổ chức 40 hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân tại cơ sở, 01 hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho 175 báo cáo viên cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ

trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao nhận thức về pháp luật trong cải cách hành chính và dự thảo Luật Đất đai sửa đổi để tìm hiểu, nghiên cứu chuẩn bị cho việc lấy ý kiến trong thời gian tới...

#### *1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*

Về công tác kiểm tra văn bản QPPL: Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra 22 văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; kiểm tra 31 văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra nhận thấy về cơ bản văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

Về công tác rà soát văn bản QPPL: Trong năm 2022, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã rà soát 498 văn bản QPPL (trong đó, cấp tỉnh có 463 văn bản QPPL). Sau rà soát đã tham mưu, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định sửa đổi thay thế, bãi bỏ 33 văn bản. Cụ thể: 08 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 02 văn bản hết hiệu lực một phần; bãi bỏ toàn bộ 21 quyết định, 02 chỉ thị. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 bãi bỏ toàn bộ 09 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Tư pháp đã cập nhật 31 văn bản Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL (12 nghị quyết, 19 quyết định) lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL.

*(Biểu mẫu 02 kèm theo).*

## **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

### **a. Về công bố, công khai TTHC**

Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh ban hành 30 quyết định công bố TTHC với tổng số 945 TTHC; trong đó có 471 TTHC mới ban hành, 48 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 426 TTHC bị thay thế, bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời với việc công bố, công khai các TTHC tại nơi tiếp nhận, tỉnh đã địa phương hóa và công khai toàn bộ hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để phục vụ kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia và để người dân tra cứu, tìm hiểu.

### **b. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Ngày 10/01/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 tại tỉnh Thái Bình. Nội dung Kế hoạch xác định nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC là việc làm thường xuyên, liên tục của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2022. Bên cạnh nhiệm vụ Chính phủ, Văn phòng Chính phủ giao cho, tỉnh tập trung đơn giản hóa TTHC có tần suất thực hiện nhiều, tác động trực tiếp vào người dân và doanh nghiệp.

Thực hiện rà soát cắt giảm thời hạn giải quyết của 98 TTHC lĩnh vực y tế và giao thông vận tải thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và Sở Giao thông vận tải, tạo điều kiện tối đa cho người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC.

Bên cạnh đó, trong quá trình rà soát, công bố danh mục TTHC áp dụng, thực hiện tại tỉnh, các đơn vị chủ động cắt giảm 40% thời hạn giải quyết của các TTHC, tạo điều kiện tối đa cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

c. Về triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Toàn tỉnh có tổng số 1.617/1.707 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; trong đó có 1.309 TTHC cấp tỉnh, 227 TTHC cấp huyện và 100 TTHC cấp xã. Tổng số TTHC được xây dựng quy trình nội bộ là: 1.623 TTHC/1.707 TTHC.

Bên cạnh đó, tỉnh triển khai thực hiện giải quyết TTHC theo phương án “5 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, với tổng số 1.492 TTHC; trong đó có 1.275 TTHC được giải quyết theo phương án “5 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, chiếm 97,4% và 217 TTHC được giải quyết theo phương án “5 tại chỗ” tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện trên địa bàn tỉnh, chiếm 95,6% (*trừ các TTHC thuộc thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc TTHC quy định phải giải quyết trên môi trường mạng hoặc các TTHC không đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ*).

d. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết (tính đến ngày 10/12/2022) là: 1.176.844 hồ sơ; Số hồ sơ đã giải quyết là: 1.170.762 hồ sơ; trong đó số hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn là: 1.169.746 hồ sơ, quá hạn là: 1.016 hồ sơ. Số hồ sơ đang được giải quyết là: 7.128 hồ sơ (*tại Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 04/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Kỳ họp thứ năm Hội đồng nhân dân tỉnh, kết quả giải quyết TTHC tính đến ngày 23/11/2022 như sau: Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết (tính đến ngày 23/11/2022) là: 938.558 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết là: 920.605 hồ sơ. Số hồ sơ đang được giải quyết là: 17.953 hồ sơ; trong đó, số hồ sơ trong hạn là: 17.568 hồ sơ, số hồ sơ chưa trả và quá thời hạn là: 385 hồ sơ*).

*Kết quả giải quyết TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã như sau:*

Cấp tỉnh: Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết là: 75.949 hồ sơ; Số hồ sơ đã giải quyết là: 73.821 hồ sơ; Số hồ sơ đang được giải quyết là: 2.128 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết quá hạn là 56 hồ sơ.

Cấp huyện: Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết là: 96.568 hồ sơ; Số hồ sơ đã giải quyết là: 93.267 hồ sơ; Số hồ sơ đang được giải quyết là: 4.356 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết quá hạn là 823 hồ sơ.

Cấp xã: Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết là: 1.004.327 hồ sơ; Số hồ sơ đã giải quyết là: 1.003.674 hồ sơ; Số hồ sơ đang được giải quyết là: 644 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết quá hạn là 137 hồ sơ.

*(Có Biểu mẫu 03 kèm theo)*

#### e. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ, về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai số điện thoại, địa chỉ Email tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của đơn vị mình cũng như công khai trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình, Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình. Toàn tỉnh đã tiếp nhận được 188 phản ánh kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính. Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý là: 166, số phản ánh kiến nghị đang xử lý là: 22 (số liệu tính đến 10/12/2022).

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

*3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập*

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức 28 cơ quan, đơn vị (10 tổ chức hành chính, 18 đơn vị sự nghiệp công lập). 11 Quyết định sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập.

*3.2. Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức*

Công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc bố trí sử dụng biên chế công chức theo đúng vị trí việc làm, bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích và theo đúng quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch biên chế của các cơ quan đơn vị và việc bố trí, sử dụng công chức được thực hiện nghiêm túc nên việc giao biên chế công chức sát với nhiệm vụ thực tế và yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, tổ chức sử dụng công chức không vượt quá số biên chế được Bộ Nội vụ giao giao. Kịp thời xây dựng kế hoạch biên chế công chức năm 2023, kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo đúng quy định.

*3.3. Về kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương*

Các cơ quan, đơn vị của tỉnh Thái Bình đã nghiêm túc quy định về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở nội dung phân cấp quản lý của Chính phủ, các bộ, ngành và tình hình thực tế ở địa phương, tỉnh tiếp tục phân cấp cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố một số nhiệm vụ để tăng tính chủ động, tính tự chủ của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

### 4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Thực hiện Nghị định của Chính phủ về vị trí việc làm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc

và Khung năng lực của từng vị trí việc làm 08 huyện, thành phố và 15 sở, ngành; Hoàn thành việc Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và hạng viên chức tối thiểu đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Sở Nội vụ tham mưu Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ diện Ban cán sự Đảng ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: 10 người; Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định luân chuyển, tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm và giao phụ trách đối với chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sau khi có thông báo của Tỉnh ủy đối với: 21 người; thỏa thuận về điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh trưởng phòng và tương đương: 28 người;

- Tuyển dụng bổ sung 115 công chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện (trong đó có 2 Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, Cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP); tiếp nhận, điều động công chức 57 người; thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức; tổ chức kiểm tra, sát hạch, quyết định tiếp nhận vào làm công chức sau khi có chủ trương tiếp nhận vào làm công chức đối với đối với 10 người;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức: Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện mở các lớp bồi dưỡng theo đúng kế hoạch bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả; kết quả đã hoàn thành 100% khối lượng theo Kế hoạch số 24/KH-UBND (trong đó: chủ trì mở 25 lớp bồi cho 4.365 học viên, bao gồm:

## **5. Cải cách tài chính công**

### ***5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương***

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước về công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách theo quy định về cải cách tài chính công. Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính công, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao quyền tự chủ cho các đơn vị trong dự toán thu, chi ngân sách tạo hành lang pháp lý để đơn vị thực hiện tự chủ trong sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; công khai đến cán bộ, công chức và người lao động biết để giám sát và thực hiện, thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của các cơ quan được công khai, minh bạch theo đúng chế độ nhà nước quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan; việc sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần tăng cường công tác quản lý trong nội bộ đơn vị, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho người lao động. Cụ thể:



*a) Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước*

\* Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022 ước thực hiện 27.902,8 tỷ đồng, đạt 155% dự toán, bằng 126,7% so với cùng kỳ năm 2021.

\* Tổng thu ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2022 ước thực hiện 23.077,5 tỷ đồng, đạt 151,9% dự toán, bằng 126,6% so với cùng kỳ (do thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 ngoài dự toán là 3.471,3 tỷ đồng).

*b) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công*

Trong năm 2022, Sở Tài chính đã thực hiện việc tổng hợp, báo cáo giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án cấp tỉnh quản lý như sau: Kế hoạch vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 4.262.159 triệu đồng, số đã thực hiện giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính là 4.849.003 triệu đồng, đạt tỷ lệ 114%.

*c) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách:*

\* Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra về tài chính ngân sách

Theo Quyết định số 162/QĐ-STC ngày 13/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, số cuộc thanh tra năm 2022 của thanh tra Sở Tài chính là 13 cuộc; điều chỉnh hủy 02 cuộc theo Quyết định số 88/QĐ-STC ngày 29/7/2022 (do Kiểm toán nhà nước khu vực XI đã thực hiện).

- Tổng số đã thực hiện trong kỳ 11 cuộc; đã ban hành kết luận thanh tra 09 cuộc; 02 cuộc đang trong quá trình thanh tra. Thời gian dự kiến kết thúc thanh tra trong tháng 12/2022.

- Qua thanh tra đã kiến nghị xử lý về kinh tế 30.758 triệu đồng (trong đó kiến nghị thu hồi về NSNN là 2.720 triệu đồng, xử lý về kinh tế 28.465 triệu đồng (được đề nghị trích CCTL 44 triệu đồng; giảm trừ dự toán 9 triệu đồng; giảm trừ thanh toán công trình XD CB 374 triệu đồng; xử lý khác: yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch hoàn trả nguồn CCTL, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp,... năm 2022 và những năm tiếp theo số tiền 28.038 triệu đồng).

\* Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách:

Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thuộc trách nhiệm của Sở Tài chính tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và kiểm toán ngân sách địa phương các năm trước chưa và đang thực hiện đến ngày 15/11/2022:

Giai đoạn từ năm 2010 đến 2021, Kiểm toán nhà nước kết luận, kiến nghị nội dung thuộc trách nhiệm Sở Tài chính phải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện là 525.043 triệu đồng (trong đó: Thu nộp ngân sách nhà nước là 0 đồng; Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi tại các huyện là 338 triệu đồng; Thu hồi kinh phí hết nhiệm vụ chi còn dư tại ngân sách cấp tỉnh chưa nộp trả NSTW:

225.521 triệu đồng; Bó trí trả lại nguồn: 25.892 triệu đồng; Các khoản xử lý tài chính khác là 273.292 triệu đồng).

Số đã thực hiện 15/11/2022 là 460.280 triệu đồng, đạt tỷ lệ 87,6% (trong đó: Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi tại các huyện là 338 triệu đồng; Thu hồi kinh phí hết nhiệm vụ chi còn dư tại ngân sách cấp tỉnh chưa nộp trả NSTW: 193.048 triệu đồng; Các khoản xử lý tài chính khác là 266.894 triệu đồng).

### **5.2. Kết quả thực hiện quy định về quản lý tài sản công**

Thực hiện quy định về quản lý tài sản công, Sở Tài chính đã triển khai thực hiện một số nội dung sau:

- Về mua sắm, thanh lý: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép các cơ quan, đơn vị mua sắm 10 xe ô tô; thanh lý 04 xe ô tô, thiết bị y tế của 02 Bệnh viện, 01 thang máy, phần mềm nâng cấp mạng văn phòng, 03 cơ sở nhà, đất;

- Thực hiện điều chuyển các phương tiện, thiết bị, kê cả trụ sở làm việc của một số cơ quan, đơn vị trong phạm vi tỉnh quản lý đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về xác lập sở hữu toàn dân: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh 03 hồ sơ xác lập QSH toàn dân đối với các tài sản được cho tặng của 02 đơn vị (Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy).

- Về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan đơn vị: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Công thương và đơn vị trực thuộc (Văn bản số 2477/UBND-KT ngày 14/7/2022,); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị trực thuộc (Văn bản số 3424/UBND-KT ngày 20/9/2022); UBND xã Đông Đông, huyện Đông Hưng (Văn bản 4032/UBND-KT ngày 7/11/2022); Trường Chính trị tỉnh (Văn bản số 4259/UBND-KT ngày 22/11/2022).

### **5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập**

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Sở Tài chính đã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo một số nội dung cụ thể để triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP trong khi chưa có Thông tư Hướng dẫn của Bộ Tài chính và có ý kiến đối với phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Khối tỉnh), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị thực hiện.

Thời điểm hiện tại, có 102 đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh đã được phê duyệt phương án tự chủ Tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP và 05 đơn vị đã xây dựng phương án và hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án tự chủ tài chính.

(Chi tiết tại Biểu mẫu 06 kèm theo).

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được đẩy mạnh. Thực hiện có hiệu quả Đề án Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình; Kế hoạch triển khai chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng đến năm 2025”; kiện toàn Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Thái Bình. Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin của các hệ thống có xử lý thông tin cá nhân trên địa bàn tỉnh; rà soát lỗ hổng Log4shell. Đánh giá mức độ sẵn sàng bảo đảm an toàn thông tin năm 2022 tỉnh Thái Bình; mở rộng hệ thống giám sát, điều hành giao thông và an ninh, trật tự công cộng, tiếp tục triển khai Camera giám sát giao thông trên tuyến QL10 và QL39.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Duy trì thực hiện tốt việc quản lý văn bản, điều hành và trao đổi công việc qua Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh; Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Bình, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Chương trình bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho khoảng 6.500 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn quy trình tiếp nhận hồ sơ TTHC và trả kết quả giải quyết TTHC. Thẩm định 06 đề cương dự toán nhiệm vụ lĩnh vực công nghệ thông tin. Tiếp tục triển khai các gói thầu thuộc dự án mở rộng hệ thống Camera giám sát giao thông trên tuyến quốc lộ 10 và quốc lộ 39, dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

Triển khai các nhiệm vụ, dự án về công nghệ thông tin theo đúng kế hoạch. Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: “Xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh và xây dựng phần mềm nền tảng đô thị thông minh (SCP) tỉnh Thái Bình”. Trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh Thái Bình.

Sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống phần mềm hành chính công điện tử dùng chung được triển khai đồng nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện để thực hiện việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến để triển khai từ tỉnh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nhằm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thủ tục trực tuyến. Đã hoàn thành hợp nhất Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về quy chế quản lý vận hành khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Bình

Thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, ngày 09/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

1.561 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tại tỉnh Thái Bình; trong đó có 979 dịch vụ công toàn trình và 582 dịch vụ công trực tuyến một phần. Ngay sau khi các dịch vụ công được phê duyệt; các sở, ban, ngành chủ động tái cấu trúc quy trình, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử từ khâu tiếp nhận đến khâu trả kết quả TTHC, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết TTHC bằng nhiều hình thức khác nhau.

Thực hiện Văn bản số 2916/VPCP-KSTT ngày 10/5/2022 của Văn phòng Chính phủ, ngày 17/5/2022, Ủy ban nhân dân Thái Bình đã có văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Đến nay các cơ quan nhà nước các cấp đã tích cực thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC để cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thành phần hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Đến hết ngày 08/12/2022 cấp tỉnh thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính chiếm tỷ lệ 66%.

Tiếp tục duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng đề ra. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 về việc phê duyệt dự toán kinh phí triển khai việc xây dựng, áp dụng ISO hành chính cho Ủy ban nhân dân các xã. Đến hết năm 2022, tổng số các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 là 214, bao gồm: 18 cơ quan cấp sở, ngành; 08 Ủy ban nhân dân cấp huyện; 12 cơ quan cấp Chi cục hoặc đơn vị tương đương trực thuộc cơ quan cấp sở, ngành và 176 Ủy ban nhân dân cấp xã. Mục đích của việc xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đối với các cơ quan hành chính nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác CCHC của tỉnh.

## **II. Nhận xét, đánh giá**

### **1. Ưu điểm**

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC, đạt được những kết quả nhất định, cụ thể là:

- Triển khai kịp thời tới các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức về nội dung, chương trình công tác CCHC; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đề cán bộ, nhân dân nhận thức rõ về trách nhiệm và nghĩa vụ cũng như lợi ích trong việc thực hiện CCHC. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác CCHC, tất cả các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện, cơ bản hoàn thành kế hoạch công tác CCHC năm 2022. Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng kịp thời, đa dạng và đúng trọng tâm, trọng điểm. Các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, nội dung tuyên truyền phản ánh khá đầy đủ kịp thời mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, tăng cường đưa chủ trương, đường lối, chính sách đến mọi

người dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được đẩy mạnh. 100% cơ quan hành chính nhà nước đã sử dụng Mạng văn phòng điện tử liên thông trong công việc.

- Về tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 31/12/2021 về CCHC năm 2022 gồm 21 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có 44 nhiệm vụ cụ thể giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch. Đến thời điểm báo cáo có 21/21 nhiệm vụ đã hoàn thành, đạt tỷ lệ 100%. Các nhiệm vụ đều được thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra.

- Công tác cải cách thể chế tiếp tục được tăng cường, giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa quy định của Trung ương giao trong phạm vi địa phương thông qua công tác thẩm định, tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng về chất lượng, tính hiệu lực và tính hiệu quả, chất lượng các văn bản QPPL từng bước được nâng lên.

- Việc thực hiện, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã đã mang lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai có hiệu quả, góp phần quan trọng trong công tác CCHC của tỉnh. Các sở, ban, ngành thường xuyên rà soát, thống kê TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử của các TTHC được xây dựng, ban hành thực hiện thống nhất trong tỉnh. Công tác kiểm tra, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ được tăng cường. Bên cạnh đó, dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần được rà soát công bố cập nhật theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương được triển khai đồng bộ, đúng kế hoạch; Việc chuyển đổi cơ chế hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ về tài chính được triển khai nghiêm túc theo tiến độ đề ra. Công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền được thực hiện nghiêm túc giúp tăng tính chủ động, tính tự chủ của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số đã đạt được những hiệu quả bước đầu. Ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong quản lý, điều hành của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp vào giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã đem lại kết quả rõ nét ở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt.

- Trình độ năng lực, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng nghiệp vụ hành chính của một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã vẫn còn hạn chế.

- Việc hướng dẫn về xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của nhiều Bộ, ngành Trung ương ban hành chưa kịp thời, dẫn đến sự lúng túng, khó khăn cho địa phương khi triển khai thực hiện việc xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực sự nghiệp công lập, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu, tính hiệu quả chưa cao.

## **3. Nguyên nhân**

- Trách nhiệm của người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị chưa tích cực, quyết liệt trong chỉ đạo, thực hiện CCHC ở ngành, địa phương mình.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức về CCHC còn hạn chế, chưa chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất để đưa ra những giải pháp, kế hoạch chiến lược khi thực hiện công tác CCHC. Việc thực hiện một số nhiệm vụ CCHC chưa đảm bảo về từng nội dung công việc, cách thức tiến hành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm hoàn thành, thời gian hành thành...

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho CCHC ở một số đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021–2030; Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021–2030; tỉnh Thái Bình đề xuất một số phương hướng, nhiệm vụ CCHC trong thời gian tới, cụ thể như sau:

### **1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC**

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2022-2025 và kế hoạch CCHC hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban hành các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh CCHC. Tăng cường cải cách chế độ công vụ, công chức và ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC.

- Thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi, đánh giá và công bố kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Kết quả CCHC hàng năm của các đơn vị, địa phương là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của

người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và là một trong những tiêu chí bắt buộc trong đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân hàng năm.

- Phát huy vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC, đồng thời có kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm tốt hơn trong từng tháng, quý, năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ về CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh các vi phạm đặc biệt là các hành vi gây phiền hà, sách nhiễu của các cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ về CCHC.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC trên các phương tiện thông tin đại chúng với các nội dung thực hiện trong Kế hoạch tuyên truyền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền tới người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

## **2. Đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ về CCHC**

- Kịp thời thể chế hóa các văn bản QPPL của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; tiếp tục tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn và khả năng của tỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội; quyết liệt chỉ đạo để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất ở cấp huyện, cấp xã về CCHC.

- Về xây dựng kế hoạch CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị cần bám sát nội dung về CCHC của Trung ương, của tỉnh và thực tiễn tại cơ quan, đơn vị để cụ thể hóa, phù hợp với từng cơ quan, đơn vị. Các nhiệm vụ CCHC phải được quy định cụ thể về nội dung công việc, cách thức tiến hành, phân công nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện, phối hợp thực hiện, kết quả đạt được, thời gian hoàn thành.

- Thực hiện tốt việc niêm yết, công khai minh bạch các TTHC tại nơi tiếp nhận và giải quyết TTHC tạo điều kiện cho công dân và doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện TTHC; tăng cường cung cấp tối đa thực hiện dịch vụ công toàn trình thuộc thẩm quyền của tỉnh; tuyên truyền tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trên môi trường mạng và nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết TTHC để cắt giảm chi phí, thời gian, công sức trong quá trình giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

- Đảm bảo 100% các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Nội vụ; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả,

nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng nhu cầu công việc trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục mở các lớp đào tạo bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, triển khai phòng họp không giấy tờ. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong CCHC, trong thực thi công vụ, trong giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Sở Nội vụ Thái Bình trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT. CCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Nghiêm**



**Phụ lục**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Biểu số 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> ( <i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i> )	Văn bản	100	
2.	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> ( <i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	21	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	21	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b> ( <i>thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ</i> )			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	19	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	94,73	Có 18 đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra. Còn 01 đơn vị

				đang dự thảo kết luận thanh tra
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	180	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	73	107 nhiệm vụ còn trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	2.897	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	

**Biểu số 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do địa phương ban hành</b>	Văn bản	65	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	34	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	31	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	31	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	463	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	32	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	32	

**Biểu số 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1,</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	98	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	471	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	426	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.757	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.402	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	234	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	121	
<b>2,</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	327	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	330	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		Đang thực hiện
<b>3,</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,92	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	73.821	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	73.765	

3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,12	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	93.267	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	92.444	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	1.003.674	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	1.003.537	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>		188	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>		166	

**Biểu số 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	17/17 sở, ngành
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	8/8 huyện, thành phố
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	825	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	9	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	97	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	720	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	21,7%	(229/1054)
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.827	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.717	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,29	209/2.030
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	30.742	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	27.505	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	788	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17,63%	(6.179/35.034)

**Biểu số 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	27/27	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	825/825	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	115	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	9	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	15	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	112	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	11	

**Biểu số 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	<b>114</b>	
1.1.	Kế hoạch vốn năm 2022 được giao (cấp tỉnh quản lý)	Triệu đồng	4.262.159	Số liệu giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính.
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.849.003	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương (Khôi tỉnh)	Đơn vị	107	Trong tổng số 107 ĐVSN, có 102 ĐVSN được phê duyệt phương án tự chủ Tài chính theo NĐ60/2021/NĐ-CP; trong đó: có 04 ĐVSN tự bảo đảm chi Đầu tư và chi TX; 25 ĐVSN tự bảo đảm chi TX; và 23 ĐVSN bảo đảm 1 phần chi TX; 50 ĐVSN do NN bảo đảm chi TX; có 05 đơn vị đã xây dựng phương án đang hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt.
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	4	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	25	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	23	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>4</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>7</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>12</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	50	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	



**Biểu số 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành=1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>		100	Liên thông 2 cấp và 3 cấp đều là 100%
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	92	11/12
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i>	%	95	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	98	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	96	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	93	
5.3.	<b>Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</b>			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	

<b>6</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	260	
6.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	260	
6.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	175	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	1.084	
6.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	1.084	
6.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	457	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	61	DVC/tổng số TTHC: 1.022/1.685
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	1.344	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	1.022	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 ( <i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i> )	%	61,3	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	136.277	
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	70.566	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	500	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	500	

**Phụ lục****THỐNG KÊ DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022**

<b>STT</b>	<b>Số, ký hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Tên văn bản</b>
1	3486/QĐ-UBND	31/12/2021	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022-2025
2	15/KH-UBND	07/02/2022	Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Thái Bình năm 2022
3	3464/QĐ-UBND	31/12/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022.
4	3465/QĐ-UBND	31/12/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022
5	90/QĐ-UBND	17/01/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
6	33/QĐ-UBND	10/01/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch công tác kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Thái Bình năm 2022.
7	274/QĐ-UBND	27/01/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
8	3337/QĐ-UBND	27/12/2021	Quyết định công bố thủ tục hành chính mới ngày ban hành, thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.
9	3268/QĐ-UBND	21/12/2021	Quyết định phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Thái Bình.
10	499/QĐ-UBND	07/03/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
11	594/QĐ-UBND	21/3/2022 về	Quyết định công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu; lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát

			triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
12	206/UBND-NCKS	18/01/2022	Báo cáo số ngày về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
13	403/UBND-NCKS	11/02/2022	Về việc kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
14	150/UBND-NCKS	17/01/2022	Về việc rà soát, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.
15	24/KH-UBND	25/02/2022	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình
16	618/QĐ-UBND	23/3/2022	Quyết định về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo đạc bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.
17	660/QĐ-UBND	29/3/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
18	1312/UBND-NCKS	24/4/2022	Về việc số hóa và tái sử dụng, kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC
19	725/QĐ-UBND	06/4/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.
20	739/QĐ-UBND	07/4/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình
21	740/QĐ-UBND	07/4/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
22	752/QĐ-UBND	08/4/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Thái Bình.
23	1181/QĐ-UBND	08/6/2022	Quyết định số ngày về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Bình.
24	89/KH-UBND	09/6/2022	Kế hoạch triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

25	1245/QĐ-UBND	14/6/2022	Quyết định phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tại tỉnh Thái Bình.
26	1982/UBND-NCKS	09/6/2022	về việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 406/QĐ-TTg.
27	1312/UBND-NCKS	24/4/2022	Về việc số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
28	1602/UBND-NCKS	17/5/2022	Về việc góp ý dự thảo Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính.
29	916/QĐ-UBND	03/5/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thái Bình.
30	917/QĐ-UBND	03/5/2022	Quyết định số ngày về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
31	918/QĐ-UBND	03/5/2022	Quyết định số ngày về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
32	919/QĐ-UBND	03/5/2022	Quyết định về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
33	80/KH-UBND	19/5/2022	Kế hoạch số ngày về việc mở lớp bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế gắn với tiếp cận, đánh giá chỉ số cải cách hành chính.
34	1053/QĐ-UBND	20/05/2022	Quyết định về việc sửa đổi mức phí, lệ phí của các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
35	1109/QĐ-UBND	27/5/2022	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giáo dục trung học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Bình.
36	1110/QĐ-UBND	27/5/2022	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giáo dục trung học thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

37	85/KH-UBND	31/5/2022	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025.
38	số 98/KH-UBND	17/6/2022	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Thái Bình
39	100A/KH-UBND	21/6/2022	Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2022
40	1914/UBND-NCKS	03/6/2022	Về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3318/VPCP-KSTT ngày 30/5/2022 của Văn phòng Chính phủ.
41	1165/QĐ-UBND	03/6/2022	Quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Bình.
42	90/KH-UBND	09/6/2022	Kế hoạch triển khai đo lường Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Thái Bình năm 2022
43	1219/QĐ-UBND	10/6/2022	Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án xác định chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
44	1296/KH-SNV	27/6/2022	Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022
45	1496/QĐ-UBND	14/7/2022	Quyết định phê duyệt Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn theo hình thức trực tuyến mức độ 3 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
46	1489/QĐ-UBND	13/7/2022	Về việc phê duyệt Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình.
47	1542/QĐ-UBND	20/7/2022	Quyết định về việc sửa đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.
48	1473/QĐ-UBND	11/7/2022	Quyết định về việc sửa đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
49	1709/QĐ-UBND	03/8/2022	Quyết định về việc thay đổi cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ

			tục hành chính.
50	1712/QĐ-UBND	03/8/2022	Quyết định giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến và tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tỷ lệ ký số văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022.
51	2141/UBND-NCKS	22/6/2022	Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
52	3169/UBND-NCKS	05/9/2022	Về việc xử lý dịch vụ công trực tuyến giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
53	3299/UBND-KGVX	13/9/2022	Về việc đẩy mạnh sử dụng 22 nền tảng số trên địa bàn tỉnh
54	122/KH-UBND	16/9/2022	Kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình
55	3063/UBND-NCKS	25/8/2022	Về việc tăng cường phối hợp trong cung cấp số liệu công dân đã khai tử trên địa bàn tỉnh phục vụ làm sạch dữ liệu dân cư theo Đề án 06.
56	21/2022/QĐ-UBND	31/10/2022	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Bình.
57	2545/QĐ-UBND	01/11/2022	Quyết định phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện tại tỉnh Thái Bình
58	2446/QĐ-UBND	31/10/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025.
59	2223/QĐ-UBND	06/10/2022	Quyết định công bố kết quả xếp loại chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố năm 2021.
60	3766/UBND-NCKS	17/10/2022	V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ
61	3808/UBND-CTXDGT	19/10/2022	V/v tăng cường thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố.